TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-PT
Ngày: 16/01/2020
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lý Thị K
- *Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Dụ
Bà Bạch Thị Hồng I

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký TAND tỉnh Hoà Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2019/TLPT – DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc kiện Tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hoà Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chu Tiến Đ, sinh năm 1963. *(Vắng mặt)*

Trú tại: Thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Ông Nguyễn Văn Linh. sinh năm 1945 - Luật sư Công ty luật TNHH Hợp Tiến – thuộc K Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Đội 2, La Đồng, Hợp Tiến, Mỹ Đ, Hà Nội. *(Vắng mặt)*

Bị đơn: Ông Chu Đ K, sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Chu Thị Hạnh, sinh năm 1971. *Có mặt.*

Ông Chu Đ Hào, sinh năm 1959. *Vắng mặt.*

Ông Chu Đ Th, sinh năm 1954. *Có mặt.*

Cùng trú tại: Thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Bà Chu Thị Kim I (Chu Thị I), sinh năm 1966. *Có mặt.*

Trú tại: thôn Bẩy, xã Phú Lão, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1962. *Vắng mặt.*

Trú tại: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Chị Chu Thị Xuân B, sinh năm 1986. *Vắng mặt.*

Trú tại: thôn Lão Ngoại, xã Phú Lão, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Chị Chu Thị Thu Thủy, sinh năm 1988. *Vắng mặt.*

Trú tại: thôn Lũng Kênh- Đ Giang – Hoài Đ – Hà Nội

Chị Chu Thị Hải Yến, sinh năm 1982. *Vắng mặt.*

Trú tại: Tổ 49, Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Chị Chu Thị Bích Thùy, sinh năm 1984. *Vắng mặt.*

Trú tại: Tổ 21, Phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình

Bà Luyến ủy quyền cho ông Chu Tiến Đức theo Giấy ủy quyền đề ngày 01/7/2019; chị B, chị Thủy, chị Thùy, chị Yến ủy quyền cho ông Chu Tiến Đức theo Giấy ủy quyền đề ngày 25/01/2019. Tại phiên toà ông Đ vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị Ghi, sinh năm 1957. *Có mặt.*
- Anh Chu Đ Tiệp, sinh năm 1986. *Vắng mặt.*

Cùng trú tại: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

- Ông Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1977. *Vắng mặt.*

Trú tại: thôn Lũ, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

- Ông Đinh Công Mạch, sinh năm 1972. *Vắng mặt.*

Trú tại: thôn Tân Phú, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

- Ông Chu Đ Ngọc, sinh năm 1952. *Vắng mặt.*
- Bà Phạm Thị Hồng, sinh 1957. *Vắng mặt.*

Cùng trú tại: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Chu Tiến Đ vắng mặt không có lý do; Bị đơn ông Chu Đ K có mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I, ông Chu Đ Th đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung thể hiện như sau:

Trong đơn phản tố, bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Chu Tiến Đ trình bày:

Bố mẹ tôi là ông Chu Đức Triền và bà Phạm Thị Thao chung sống với nhau từ năm 1953 và sinh sống tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, bố mẹ tôi sinh được 06 người con, gồm:

- Anh Chu Đ Th, sinh năm 1954
- Anh Chu Đ Hào, sinh năm 1959
- Tôi Chu Tiến Đức, sinh năm 1963
- Chị Chu Thị Kim I (Chu Thị I), sinh năm 1966
- Chị Chu Thị Hạnh, sinh năm 1971

- Anh Chu Đức Đoàn, sinh năm 1974

Di sản của bố mẹ tôi là ông Chu Đức Triền, bà Phạm Thị Thao đã chết để lại gồm 5 sào đất nông nghiệp, 4,5ha đất B nghiệp và đất thổ cư tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình. Đối với đất B nghiệp và đất nông nghiệp tôi không có ý kiến gì. Tuy nhiên đối với 108m^2 đất thổ cư đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Chu Đức Triền được UBND huyện Lạc Thủy cấp ngày 10/4/2001 có nguồn gốc là do tôi và bố tôi cùng góp tiền mua của UBND xã Phú Thành vào năm 1994. Trong biên bản bàn giao quyền sử dụng đất, UBND xã đã giao cho hai hộ ông Triền và hộ ông Đức (tôi) mỗi hộ 54m^2. Có vị trí: *Phía Đông giáp Quốc lộ 21A cách tà luy rãnh đường vào phía trong 6m; Phía Tây cách bờ ruộng hợp tác xã Lũ 3m; Tổng chiều dài Đông - Tây 6m; Phía Nam cách bờ ruộng hợp tác xã Lũ 13m; Phía Bắc giáp đất nhà bà Màn (cách nhà bà màn 0,5m); Tổng chiều dài Bắc - Nam là 18,8m. Nhưng bố tôi đã bán cho ông Hưởng 49,5m^2*. Do vậy 54m^2 đất còn lại trong GCNQSD đất mang tên hộ ông Chu Đ Triền mà ông K yêu cầu chia di sản thừa kế là đất tôi được giao, nên đây là đất thuộc quyền sở hữu của gia đình tôi thì không thể là di sản thừa kế. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xác định 54m^2 đất thổ cư này thuộc quyền sở hữu, sử dụng của tôi. Còn lại đất thổ cư là di sản của bố mẹ để lại tôi chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, 01 cây nhãn, 01 giếng nước và móng nhà xây dở tôi không yêu cầu Toà án giải quyết. Tôi nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2018 và kết quả định giá tài sản ngày 20/11/2018 cũng như trích đo ngày 15/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Bị đơn ông Chu Đ K, trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2016, bản tự khai và quá trình tố tụng trình bày:

Bố mẹ tôi là ông Chu Đức Triền và Phạm Thị Thao về chung sống với nhau từ năm 1953 và sinh sống tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, bố mẹ tôi sinh được 06 người con, như ông Đ đã trình bày. Bố mẹ tôi tạo lập được khối tài sản chung gồm 12.000m^2 đất rừng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Chu Đức Triền và 98,5m^2 đất thổ cư trong tổng 187m^2 đất thổ cư đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Chu Đức Triền được UBND huyện Lạc Thủy cấp ngày 10/4/2001 tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình. Năm 2001, bố tôi chết không để lại di chúc. Năm 2015, mẹ tôi chết không để lại di chúc. Để đảm bảo quyền lợi của các anh chị em trong gia đình, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy giải quyết phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại gồm 12.000m^2 đất rừng và 98,5m^2 đất thổ cư tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Chu Đức Đoàn đã thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản là 5 sào đất nông nghiệp và 12.000m^2 đất B nghiệp tại thôn Rị -

Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình.Thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia diện tích 98,5m^2 đất thổ cư mà yêu cầu tòa án chia 35,6m^2 đất thổ cư còn lại; Về nguồn gốc đất thổ cư, là do bố tôi ông Chu Đức Triền mua hai suất đất giãn dân của UBND xã Phú Thành năm 1994 với số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) có diện tích 108m^2. Mảnh đất có chiều dài 18,8m, chiều rộng 6m và có tứ cận: Phía Đông giáp Quốc lộ 21A; Phía Tây giáp ruộng của Hợp tác xã; Phía Nam giáp ruộng hợp tác xã (sau này là ruộng ông Trực); Phía Bắc giáp bãi đất trống cạnh mảnh đất nhà bà Màn bà. Sau khi được giao đất thì chỉ có tôi và bố mẹ tôi sinh sống trên mảnh đất này, còn các anh chị em đã lấy vợ lấy chồng và ở riêng. Năm 2000, bố tôi đã tiến hành kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 187m^2. Lý do tăng thêm 79m^2 là do tôi đã mở rộng thêm về phía ruộng của Hợp tác xã. Trong quá trình sử dụng, do bố tôi ốm cần tiền chữa bệnh đã bán cho hộ ông Hưởng diện tích 49,5m^2. Đến năm 2006, mẹ tôi đã lập giấy tờ tặng cho tôi diện tích 40,5m^2. Trên phần đất thổ cư tôi yêu cầu chia thừa kế có cây nhãn 10 năm tuổi do tôi trồng, tôi không định giá được và có nền quán xây bằng đá hộc và gạch của tôi. Đề nghị Tòa án tính công sức chăm nom, duy trì, cải tạo đất của tôi là người ở trực tiếp tại đất này từ năm 1994 đến nay và chăm sóc bố mẹ khi còn sống; Đề nghị Tòa án cho tôi được hưởng bằng hiện vật là toàn bộ kỷ phần mà chị Chu Thị Hạnh, chị Chu Thị I, anh Chu Đức Thiện đã nhất trí để lại cho tôi. Còn phần của anh Chu Tiến Đức, anh Chu Đức Hào thì chia bằng giá trị tôi sẽ tH toán cho hai anh theo định giá của Hội đồng định giá.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Chu Đức Hào trình bày:

Di sản của bố mẹ tôi là ông Chu Đức Triền, bà Phạm Thị Thao để lại gồm 5 sào đất nông nghiệp, 4,5ha đất B nghiệp và đất thổ cư 108m^2. Trong 108m^2 đất thổ cư đó có 54m^2 đất thổ cư của chú Đức và 54m^2 là của bố tôi cùng góp tiền mua chung của UBND xã Phú Thành vào năm 1994. Đối với di sản là đất nông nghiệp và đất B nghiệp tôi sẽ yêu cầu chia di sản thừa kế bằng vụ án khác. Còn 54m^2 đất thổ cư của chú Đức thì thuộc quyền sử dụng của chú Đức. Đối với đất thổ cư của bố tôi còn lại bao nhiêu thì theo yêu cầu của chú K chia thừa kế theo pháp luật.

Bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I trình bày: Về di sản thừa kế như anh K khai, Phần chúng tôi được chia đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và tự chúng tôi tham gia tố tụng tại toà, không uỷ quyền cho chú K nữa.

Ông Chu Đức Thiện trình bày: Về di sản của bố mẹ là ông Chu Đức Triền, bà Phạm Thị Thao để lại gồm đất B nghiệp, đất thổ cư và đất nông nghiệp. Đối với đất B nghiệp và đất nông nghiệp tôi không có như cầu sử dụng nên không

yêu cầu chia. Còn đất thổ cư của bố tôi như chú Đoàn yêu cầu chia thừa kế tại thôn Rị (giáp quốc lộ 21A) có nguồn gốc là do tôi, bố tôi và chú Đức cùng góp tiền mua chung. Tôi đã góp số tiền 1.700.000 đồng cho chú Đức để mua mảnh đất này. Sau khi bố mẹ tôi chết, ba anh em tôi là Chu Đức Hào, Chu Tiến Đức và tôi đã tự phân chia 9m bám mặt đường đất thổ cư bằng miệng với nhau và thống nhất mỗi người được chia 3m. Tại buổi phân chia không có mặt chú Đoàn, cô Hạnh, cô I. Sau khi được chia, vào khoảng năm 2006 - 2008, tôi đã bán cho ông Chu Đức Ngọc phần diện tích này với số tiền 60.000.000 đồng. Trong khi chờ tách làm sổ thì anh em có sảy ra tranh chấp, nay tôi đề nghị Tòa giải quyết xác định phần diện tích 3m bám mặt đường quốc lộ 21A, giáp đất nhà ông Hưởng mà tôi bán cho ông Ngọc là phần đất của tôi. Và tôi khẳng định đất này không phải di sản của bố mẹ tôi để lại nên tôi không nhất trí với yêu cầu chia thừa kế của chú K.

Còn việc mua bán đất giữa tôi và ông Ngọc chúng tôi đã thống nhất không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thành viên hộ gia đình ông Chu Tiến Đức:

Bà Nguyễn Thị Luyến trình bày tại bản tự khai ngày 15/01/2019: Tôi kết hôn với ông Chu Tiến Đức năm 1982, đến năm 1988 vợ chồng tôi ra ở riêng. Năm 1994, do nhu cầu muốn đất để kinh doanh nên chồng tôi và bố chồng là ông Chu Đức Triền đã làm đơn xin xã giao đất làm nhà và được UBND xã Phú Thành giao cho hai hộ diện tích đất 108m^2. Việc giao đất tôi không nắm được đề nghị Toà giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc bận nên tôi ủy quyền cho chồng tôi tham gia tố tụng và xin vắng mặt mọi quá trình tố tụng tại Tòa án.

Chị Chu Thị Hải Yến, Chu Thị Xuân B, Chu Thị Thu Thủy, Chu Thị Bích Thùy là con của ông Chu Tiến Đ và bà Nguyễn Thị A trình bày: Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và chúng tôi uỷ quyền cho bố tôi là ông Chu Tiến Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS - ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình Quyết định:

[1] Áp dụng điều luật: Căn cứ điều 147, 157, 158, 160, 161, 165,166, 200 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 155,158,166, 212, 254 Bộ luật dân sự 2015; khoản 7, khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Chu Tiến Đ. Hộ ông Chu Tiến Đ (ông Chu Tiến Đ, bà Nguyễn Thị A, chị Chu Thị Xuân B, chị Chu Thị Thu T,

chị Chu Thị Bích Y, chị Chu Thị Hải Yến) được quyền sở hữu, sử dụng 54m^2 (trong đó có 48m^2 đất thổ cư và 6m^2 đất sử dụng làm lối đi qua) tại thôn R - P - L - Hoà Bình có trong GCNQSD đất mang tên hộ ông Chu Đ Triền được UBND huyện L cấp ngày 10 tháng 4 năm 2001 có số GCNQSD đất: R 321911 hiện ông Chu Đ K quản lý. 48m^2 đất thổ cư có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất hộ ông Chu Đ Triền (hiện ông K đang quản lý) dài 8m.

+ Phía Bắc giáp đất hộ ông Hưởng dài 6m;

+ Phía Tây giáp đất hộ ông Triền (hiện ông K đang quản lý) dài 6m;

+ Phía Nam giáp đất ruộng hợp tác xã thôn Lũ dài 08m.

Về lối đi qua 6m^2 đất của hộ ông Chu Tiến Đ có vị như sau:

+ Phía Đông giáp Quốc lộ 21A dài 1m;

+ Phía Tây giáp đất hộ ông Đ dài 1m;

+ Phía Nam giáp đất hộ ông Chu Đ Triền mà hiện nay ông Chu Đ K đang quản lý dài 6m;

+ Phía Bắc giáp hộ ông Hưởng dài 6m.

Về bồi thường lối đi qua: Cắt phần đất 6m^2 của hộ ông Chu Tiến Đức có vị trí như sau để bồi thường cho hộ ông Triền (ông Đoàn là người đang quản lý), cụ thể:

+ Phía Đông giáp đất hộ ông Chu Đức Triền hiện ông Đoàn đang quản lý dài 1m;

+ Phía Nam giáp ruộng hợp tác xã thôn Lũ dài 1m;

+ Phía Tây giáp đất hộ ông Chu Tiến Đức dài 6m;

+ Phía Bắc là đất của hộ ông Chu Đức K dài 6m.

(kèm theo là trích đo hiện trạng thửa đất để giải quyết tranh chấp đất đai ngày 15/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạc Thủy)

Kiến nghị UBND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R321911, vào sổ cấp GCNQSD đất ngày 10/4/2001 đã cấp cho hộ ông Chu Đức Triền để điều chỉnh cho hộ ông Chu Tiến Đức được quyền sử dụng diện tích 54m^2 theo Quyết định của bản án khi có hiệu lực.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

***Ngày 29/10/2019 Toà án nhân dân huyện L ra Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, Quyết định số*: 01/2019/QĐ-SCBSBA, nội dung:**

Tại dòng thứ năm từ dưới lên, trang 11 của bản án đã ghi:" – Phía Bắc là đất của hộ ông Chu Đức Đoàn".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Bắc giáp đất hộ ông Chu Tiến Đức".

Tại dòng thứ sáu từ dưới lên, trang 11 của bản án đã ghi:" – Phía Nam giáp đất của hộ ông Chu Tiến Đức".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Nam giáp đất hộ ông Chu Đức Đoàn".

Tại dòng thứ bẩy từ dưới lên, trang 11 của bản án đã ghi:" – Phía Tây giáp ruộng hợp tác xã thôn Lũ"

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Triền chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông Đoàn đang quản lý".

Tại dòng thứ bẩy từ dưới lên, trang 13 của bản án đã ghi:" – Phía Nam giáp đất ruộng hợp tác xã thôn Lũ dài 8m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Triền chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông Đoàn đang quản lý dài 8m"

Tại dòng thứ tám từ dưới lên, trang 13 của bản án đã ghi:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Triền (hiện ông Đoàn đang quản lý) dài 6m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Nam giáp đất hộ ông Đức đã cắt để bồi thường cho ông Đoàn dài 6m".

Tại dòng thứ 11,12,13,14 từ trên xuống, trang 13 của bản án đã ghi:" Tại phiên tòa ông Chu Đức Đoàn vắng mặt, do vậy số tiền tạm ứng chi phí tố tụng ông đã nộp còn thừa lại là 5.150.000 đồng sẽ chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy – tỉnh Hòa Bình".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" Tại phiên tòa ông Chu Đức Đoàn vắng mặt, do vậy số tiền tạm ứng chi phí tố tụng ông đã nộp còn thừa lại là 5.150.000 đồng sẽ được bảo lưu tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy – tỉnh Hòa Bình".

Tại dòng thứ tư từ trên xuống, trang 14 của bản án đã ghi:" – Phía Nam giáp ruộng hợp tác xã thôn Lũ dài 1m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Nam giáp đất hộ ông Đức cắt để bồi thường cho ông Đoàn dài 6m".

Tại dòng thứ năm từ trên xuống, trang 14 của bản án đã ghi:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Chu Tiến Đức dài 6m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Triền chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông Đoàn đang quản lý dài 1m".

Tại dòng thứ sáu từ trên xuống, trang 14 của bản án đã ghi:" – Phía Bắc là đất của hộ ông Chu Đức Đoàn dài 6m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Bắc giáp đất hộ ông Chu Tiến Đức dài 6m".

Ngày 28/10/2019 ông Chu Đ K, bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I, ông Chu Đ Th kháng cáo: Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi mở phiên toà xét xử ngày 25/10/2019, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị xét xử lại vụ án.

Ngày 05/11/2019 ông Chu Đ K có đơn kháng cáo Quyết định đình chỉ sơ thẩm của TAND huyện L: Đề nghị huỷ quyết định đình chỉ sơ thẩm, do việc ban hành hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là trái pháp luật, lý do nêu tại đơn xin hoãn phiên toà ngày 25/10/2019 của ông là chính đáng, quyết định đình chỉ quyết định sung công quỹ số tiền tạm ứng của ông là trái luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 06/11/2019 bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I kháng cáo bổ sung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, kháng cáo quyết định đình chỉ sơ thẩm và đề nghị xét xử lại vụ án.

Ngày 07/11/2019 ông Chu Đ Th kháng cáo bổ sung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, kháng cáo quyết định đình chỉ sơ thẩm và đề nghị xét xử lại vụ án. Ngày 07/11/2019 ông Chu Đ Th rút kháng cáo Quyết định đình chỉ sơ thẩm.

Ngày 05/11/2019 ông Chu Tiến Đ kháng cáo một phần quyết định của bản án sơ thẩm, do bản án sơ thẩm phân chia thửa đất ở 54m2 vào phía trong đất của ông Triển không có mặt phía đông tiếp giáp quốc lộ 21A gây bất lợi cho gia đình ông, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Ngày 31/12/2019 ông Chu Đ K, bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I có đơn kháng cáo bổ sung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét huỷ toàn bộ nội dung vụ án sơ thẩm, tại phiên toà sơ thẩm chủ toạ phiên toà đã thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án từ "tranh chấp chia thừa kế" thành "tranh chấp quyền sử dụng đất", tại phiên toà chỉ có mặt ông Đ, ông Th, những người vắng mặt ông K, bà Hạnh, bà I, ông Hào và những người tham gia tố tụng khác vắng mặt không được thông báo về việc thay đổi quan hệ pháp luật đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người tham gia tố tụng. Tại đơn kháng cáo bổ sung bà Chu Thị Hạnh và bà Chu Thị Kim I rút kháng cáo Quyết định đình chỉ của cấp sơ thẩm.

Trong gia đoạn phúc thẩm:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I cung cấp: Đơn xin xác nhận của nhà trường về việc ngày 25/10/2019 nhà trường không có người dạy thay nên không thể tham gia được phiên toà, có xác nhận của nhà trường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Chu Đ K, bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I, ông Chu Đ Th giữ nguyên kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nhưng lại tiến hành xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và thay đổi địa vị tố tụng tại phiên toà, ảnh hưởng đến quyền lợi của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Về nội dung: cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ được quy định theo luật đất đai, quyết định chấp nhận yêu cầu của ông Chu Tiến Đ là không đúng. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, quyết định đình chỉ sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện L giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo đề ngày 28/10/2019 ông Chu Đ K, bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I, ông Chu Tiến Đ, đơn kháng cáo ngày 05/11/2019 ông Chu Đ Th trong thời gian luật định và hợp lệ.

Đơn bổ sung kháng cáo đề ngày 03/11/2019 ông Chu Đ K kháng cáo Quyết định đình chỉ số 01/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 của TAND huyện Lạc Thủy trong thời gian luật định và hợp lệ.

Ngày 06/11/2019 bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I có đơn kháng cáo bổ sung Quyết định đình chỉ số 01/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 của TAND huyện Lạc Thủy. Ngày 31/12/2019 bà Chu Thị Hạnh và bà Chu Thị Kim I rút kháng cáo Quyết định đình chỉ sơ thẩm. Xét việc bổ sung kháng cáo quyết định đình chỉ sơ thẩm của bà I, bà Hạnh là quá hạn và việc rút kháng cáo quyết định đình chỉ sơ thẩm của những người liên quan trong vụ án là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ kháng cáo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án về việc chia thừa kế.

[2].Xét kháng cáo của Bị đơn Chu Đ K và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Chu Thị Kim I, bà Chu Thị Hạnh, ông Chu Đ Th:

Thứ nhất: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án "tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật" đã đưa bà Chu Thị Kim I và bà Chu Thị Hạnh tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa thay đổi địa vị tố tụng Bị đơn ông Chu Tiến Đ trở thành nguyên đơn, nguyên đơn Chu Đ K trở thành bị đơn nhưng chỉ có ông Chu Tiến Đ, ông Chu Đ Th có mặt tại phiên tòa được thông báo về việc thay đổi địa vị tố tụng, còn ông Chu Đ Hào, bà Chu Thị Kim I và bà Chu Thị Hạnh không có mặt tại phiên tòa để được thông báo về việc thay đổi địa vị tố tụng liên quan trực tiếp đến quyền lợi của ông Hào, bà I, bà Hạnh. Điều này đã ảnh hưởng đến quyền lợi của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hào, bà I và bà Hạnh, chưa đảm bảo quyền lợi của ông Hào, bà I và bà Hạnh, đã vi phạm Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ hai: Tại phiên toà ngày 25/10/2019, Cấp sơ thẩm ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 09/2016/TLST-DS ngày 18/7/2016 về tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật, đồng thời tiếp tục phiên toà giải quyết yêu cầu phản tố của ông Chu Tiến Đ là vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 2 Điều 217 BLTTDS, Lẽ ra cấp cơ thẩm chỉ ra quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Chu Đ K và ra thông báo thay đổi địa vị tố tụng và giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Việc cấp sơ thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nhưng lại tiến hành xét xử vụ án và thay đổi quan hệ tranh chấp từ tranh chấp chia thừa kế sang tranh chấp quyền sử dụng đất ngay tại phiên toà là không đúng.

Thứ ba: Cấp sơ thẩm căn cứ khoản 7, khoản 29 Luật đất đai năm 2013, căn cứ vào biên bản giao đất của Uỷ ban nhân dân xã quyết định chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Chu Tiến Đ, Hộ ông Chu Tiến Đ được được quyền sở hữu, sử dụng 54m2 trong diện tích đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Chu Đ Triền là không có căn cứ bởi lẽ: Căn cứ theo điều 23 Luật đất đai năm 1993 thì Ủy ban nhân dân xã không có thẩm quyền giao đất. Hơn nữa ông Triền là người nộp tiền, là người có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triền.

Thứ tư: Cấp sơ thẩm còn vi phạm khi chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ khi giao đất cho ông Đ không xem xét đến công tôn tạo, cải tạo đất của ông Chu Đ K từ năm 1994 ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Đồng thời năm 1994 ông Đ đã có nhà riêng tại thôn R, nên việc ông Đ trình bày có nhu cầu sử dụng đất là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết án, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và bản án của cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên Chấp nhận kháng cáo của ông Chu Đ K về việc yêu cầu huỷ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông Chu Đ K, bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I, Chu Đ Th về việc yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, đình chỉ kháng cáo của ông Chu Tiến Đ và đình chỉ kháng cáo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của bà Chu Thị Hạnh và bà Chu Thị Kim I.

Vì vậy cần hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy. Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hoà Bình xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Đối với kháng cáo của ông Chu Tiến Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Chu Tiến Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Chu Tiến Đ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 289, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội;

Xử:

[1] Đình chỉ kháng cáo của ông Chu Tiến Đ.

[2] Đình chỉ kháng cáo của bà Chu Thị Hạnh và bà Chu Thị Kim I về việc kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hoà Bình.

[3] Chấp nhận kháng cáo của ông Chu Đ K về việc yêu cầu huỷ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hoà Bình.

[4] Chấp nhận kháng cáo của ông Chu Đ K, ông Chu Đ Th, bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I về việc yêu cầu huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

[5] Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 và huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí: Trả lại cho Ông Chu Đ K, ông Chu Đ Th, bà Chu Thị Kim I, bà Chu Thị Hạnh, ông Chu Tiến Đ, mỗi người 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình theo biên lai ngày 07/11/2019 số: 0005726, 0005725, 0005724, 0005723 và biên lai số 0005727 ngày 08/11/2019.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác được xác định khi tòa án giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/01/2020.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại HN*
- *VKSND cấp cao tại HN*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình*
- *TAND Huyện Lạc Thủy, tỉnh HB*
- *Chi cục THADS huyện Lạc Thủy, tỉnh HB*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị K

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn Thinh tự nguyện nộp số tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông Nguyễn Văn Thinh đã nộp đủ.

* Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Ninh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà Bùi Thị Ninh đã nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương sơn theo biên lai số 0000431 ngày 20 tháng 02 năm 2019, nay được đối trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/5/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dụ **Bạch Thị Hồng I** **Lý Thị K**

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tanh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo đơn khởi kiện, Nguyên đơn là Chu Đ K khởi kiện chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, Bị đơn là Chu Tiến Đ có yêu cầu phản tố đề tòa án xác định diện tích đất 54m2 là của ông

Tại phiên tòa sơ thẩm mở lần 1 ngày 09/10/2019: ..

Tại phiên tòa sơ thẩm mở lần 2 ngày 25/10/2019: Theo biên bản phiên tòa thì tại phiên tòa có mặt ông Chu Tiến Đ, ông Chu Đ Th, các đương sự khác vắng mặt. Sau khi thư ký báo cáo sự có mặt, vắng mặt (có lý do, không có lý do) của những người tham gia tố tụng được tòa án triệu tập đến phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã vào phòng nghị án thảo luận, sau khi thảo luận HĐXX trở lại Hội trường xét xử và quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vụ án dân sự thụ lý số 09/2016/TLST-DS ngày 18/7/2016 về "tranh chấp kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật" giữa Nguyên đơn: Ông Chu Đ K và bị đơn ông Chu Tiến Đ (theo Quyết định đình chỉ số 01/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019), Bị đơn Chu Tiến Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 217 BLTTDS HĐXX quyết định thay đổi địa vị tố tụng trong vụ án Bị đơn ông Chu Tiến Đ trở thành nguyên đơn và nguyên đơn ông Chu Đ K trở thành bị đơn. Căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định vẫn tiếp tục xét xử và thay đổi tư cách tố tụng sau đó ra bản án số 02/2019.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: …/2019/DS-PT
Ngày: 10/01/2020
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lý Thị K
- *Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Dụ
  Bà Bạch Thị Hồng I

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2019/TLPT – DS ngày 04 tháng 2 năm 2019 về việc kiện Tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hoà Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: …./2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chu Tiến Đ, sinh năm 1963.

Bị đơn: Ông Chu Đ K, sinh năm 1974.

Cùng trú tại: Thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Chu Thị Hạnh, sinh năm 1971.

Ông Chu Đ Hào, sinh năm 1959.

Ông Chu Đ Th, sinh năm 1954.

Cùng trú tại: Thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Bà Chu Thị Kim I (Chu Thị I), sinh năm 1966.

Trú tại: thôn Bẩy, xã Phú Lão, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1962.

Trú tại: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Chị Chu Thị Xuân B, sinh năm 1986.

Trú tại: thôn Lão Ngoại, xã Phú Lão, huyện L, tỉnh Hoà Bình

Chị Chu Thị Thu Thủy, sinh năm 1988.

Trú tại: thôn Lũng Kênh- Đ Giang – Hoài Đ – Hà Nội

Chị Chu Thị Hải Yến, sinh năm 1982.

Trú tại: Tổ 49, Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Chị Chu Thị Bích Thùy, sinh năm 1984.

Trú tại: Tổ 21, Phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình

Bà Luyến, chị B, chị Thủy, chị Thùy, chị Yến ủy quyền cho ông Chu Tiến Đức theo Giấy ủy quyền đề ngày 25/01/2019.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị Ghi, sinh năm 1957.
- Anh Chu Đ Tiệp, sinh năm 1986.

Cùng trú tại: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

- Ông Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1977.

Trú tại: thôn Lũ, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

- Ông Đinh Công Mạch, sinh năm 1972.

Trú tại: thôn Tân Phú, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình

- Ông Chu Đ Ngọc, sinh năm 1952.

- Bà Phạm Thị Hồng, sinh 1957.

Cùng trú tại: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hoà Bình.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Chu Tiến Đ; Bị đơn ông Chu Đ K; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I, ông Chu Đ Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung thể hiện như sau:

Trong đơn phản tố, bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Chu Tiến Đ trình bày:

Bố mẹ tôi là ông Chu Đức Triền và bà Phạm Thị Thao chung sống với nhau từ năm 1953 và sinh sống tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, bố mẹ tôi sinh được 06 người con, gồm:

- Anh Chu Đ Th, sinh năm 1954
- Anh Chu Đ Hào, sinh năm 1959
- Tôi Chu Tiến Đức, sinh năm 1963
- Chị Chu Thị Kim I (Chu Thị I), sinh năm 1966
- Chị Chu Thị Hạnh, sinh năm 1971
- Anh Chu Đức Đoàn, sinh năm 1974

Di sản của bố mẹ tôi là ông Chu Đức Triền, bà Phạm Thị Thao đã chết để lại gồm 5 sào đất nông nghiệp, 4,5ha đất B nghiệp và đất thổ cư tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình. Đối với đất B nghiệp và đất nông nghiệp tôi không có ý kiến gì. Tuy nhiên đối với 108m^2 đất thổ cư đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Chu Đức Triền được UBND huyện Lạc Thủy cấp ngày 10/4/2001 có nguồn gốc là do tôi và bố tôi cùng góp tiền mua của UBND xã Phú Thành vào năm 1994. Trong biên bản bàn giao quyền sử dụng đất, UBND xã đã giao cho hai hộ ông Triền và hộ ông Đức (tôi) mỗi hộ 54m^2. Có vị trí: *Phía Đông giáp Quốc lộ 21A cách tà luy rãnh đường vào phía trong 6m; Phía Tây cách bờ ruộng hợp tác xã Lũ 3m; Tổng chiều dài Đông - Tây 6m; Phía Nam cách bờ ruộng hợp tác xã Lũ 13m; Phía Bắc giáp đất nhà bà Màn (cách nhà bà màn 0,5m); Tổng chiều dài Bắc - Nam là 18,8m. Nhưng bố tôi đã bán cho ông Hưởng 49,5m^2*. Do vậy 54m^2 đất còn lại trong GCNQSD đất mang tên hộ ông Chu Đ Triền mà ông K yêu cầu chia di sản thừa kế là đất tôi được giao, nên đây là đất thuộc quyền sở hữu của gia đình tôi thì không thể là di sản thừa kế. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xác định 54m^2 đất thổ cư này thuộc quyền sở hữu, sử dụng của tôi. Còn lại đất thổ cư là di sản của bố mẹ để lại tôi chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, 01 cây nhãn, 01 giếng nước và móng nhà xây dở tôi không yêu cầu Toà án giải quyết. Tôi nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2018 và kết quả định giá tài sản ngày 20/11/2018 cũng

như trích đo ngày 15/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Bị đơn ông Chu Đ K, trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2016, bản tự khai và quá trình tố tụng trình bày: Bố mẹ tôi là ông Chu Đức Triền và Phạm Thị Thao về chung sống với nhau từ năm 1953 và sinh sống tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, bố mẹ tôi sinh được 06 người con, gồm:

- Anh Chu Đ Th, sinh năm 1954
- Anh Chu Đ Hào, sinh năm 1959
- Anh Chu Tiến Đức, sinh năm 1963
- Chị Chu Thị Kim I (Chu Thị I), sinh năm 1966
- Chị Chu Thị Hạnh, sinh năm 1971
- Và tôi Chu Đức Đoàn, sinh năm 1974

Bố mẹ tôi tạo lập được khối tài sản chung gồm 12.000m^2 đất rừng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Chu Đức Triền và 98,5m^2 đất thổ cư trong tổng 187m^2 đất thổ cư đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Chu Đức Triền được UBND huyện Lạc Thủy cấp ngày 10/4/2001 tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình. Năm 2001, bố tôi chết không để lại di chúc. Năm 2015, mẹ tôi chết không để lại di chúc. Để đảm bảo quyền lợi của các anh chị em trong gia đình, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy giải quyết phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại gồm 12.000m^2 đất rừng và 98,5m^2 đất thổ cư tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Chu Đức Đoàn đã thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản là 5 sào đất nông nghiệp và 12.000m^2 đất B nghiệp tại thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình.Thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia diện tích 98,5m^2 đất thổ cư mà yêu cầu tòa án chia 35,6m^2 đất thổ cư còn lại; Về nguồn gốc đất thổ cư, là do bố tôi ông Chu Đức Triền mua hai suất đất giãn dân của UBND xã Phú Thành năm 1994 với số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) có diện tích 108m^2. Mảnh đất có chiều dài 18,8m, chiều rộng 6m và có tứ cận: Phía Đông giáp Quốc lộ 21A; Phía Tây giáp ruộng của Hợp tác xã; Phía Nam giáp ruộng hợp tác xã (sau này là ruộng ông Trực); Phía Bắc giáp bãi đất trống cạnh mảnh đất nhà bà Màn bà. Sau khi được giao đất thì chỉ có tôi và bố mẹ tôi sinh sống trên mảnh đất này, còn các anh chị em đã lấy vợ lấy chồng và ở riêng. Năm 2000, bố tôi đã tiến hành kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 187m^2. Lý do tăng thêm 79m^2 là do tôi đã mở rộng thêm về phía ruộng của Hợp tác xã. Trong quá trình sử dụng, do bố tôi

ốm cần tiền chữa bệnh đã bán cho hộ ông Hưởng diện tích 49,5m^2. Đến năm 2006, mẹ tôi đã lập giấy tờ tặng cho tôi diện tích 40,5m^2. Trên phần đất thổ cư tôi yêu cầu chia thừa kế có cây nhãn 10 năm tuổi do tôi trồng, tôi không định giá được và có nền quán xây bằng đá hộc và gạch của tôi. Đề nghị Tòa án tính công sức chăm nom, duy trì, cải tạo đất của tôi là người ở trực tiếp tại đất này từ năm 1994 đến nay và chăm sóc bố mẹ khi còn sống; Đề nghị Tòa án cho tôi được hưởng bằng hiện vật là toàn bộ kỷ phần mà chị Chu Thị Hạnh, chị Chu Thị I, anh Chu Đức Thiện đã nhất trí để lại cho tôi. Còn phần của anh Chu Tiến Đức, anh Chu Đức Hào thì chia bằng giá trị tôi sẽ tH toán cho hai anh theo định giá của Hội đồng định giá.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Chu Đức Hào trình bày trong bản tự khai ngày 28/7/2016 và quá trình tố tụng: về quan hệ huyết thống đúng như chú Đoàn và chú Đức trình bày. Di sản của bố mẹ tôi là ông Chu Đức Triền, bà Phạm Thị Thao để lại gồm 5 sào đất nông nghiệp, 4,5ha đất B nghiệp và đất thổ cư 108m^2. Trong 108m^2 đất thổ cư đó có 54m^2 đất thổ cư của chú Đức và 54m^2 là của bố tôi cùng góp tiền mua chung của UBND xã Phú Thành vào năm 1994. Đối với di sản là đất nông nghiệp và đất B nghiệp tôi sẽ yêu cầu chia di sản thừa kế bằng vụ án khác. Còn 54m^2 đất thổ cư của chú Đức thì thuộc quyền sử dụng của chú Đức. Đối với đất thổ cư của bố tôi còn lại bao nhiêu thì theo yêu cầu của chú K chia thừa kế theo pháp luật.

Bà Chu Thị Hạnh trình bày trong bản tự khai ngày 10/8/2016 : về quan hệ huyết thống tôi nhất trí như phần trình bày của các anh em đã nêu. Trong quá trình chung sống, bố mẹ tôi tạo lập được khối tài sản gồm 5 sào bắc bộ đất nông nghiệp chú Đoàn đang sử dụng; 4,5 ha đất B nghiệp hiện anh Đức và chú Đoàn đang sử dụng; Đất thổ cư gồm 2 mảnh, 1 mảnh trong thôn Rị đã chia cho anh Đức, anh Thiện, anh Hào còn một mảnh ngoài mặt đường quốc lộ 21A mẹ tôi đã sang tên một phần cho chú Đoàn. Những tài sản nào bố mẹ tôi đã sang tên cho các anh em rồi thì tôi không can thiệp gì và nhất trí với những gì bố mẹ đã chia. Còn đối với đất thổ cư mà bố mẹ tôi chưa chia mà thuộc di sản thừa kế theo yêu cầu của chú K chia di sản thừa kế. Phần tôi được chia thì tôi để lại cho chú K, tôi uỷ quyền cho chú K thay tôi giải quyết vụ án. Nhưng trong quá trình tố tụng bà Hạnh thay đổi quan điểm và sẽ tự mình tham gia giải quyết vụ án mà không uỷ quyền cho chú K nữa và phần bà được hưởng bà sẽ sử dụng.

Bà Chu Thị I (Chu Thị Kim I) trình bày trong bản tự khai ngày 10/8/2016: về quan hệ huyết thống tôi nhất trí như phần trình bày của các anh, chị, em đã nêu. Và hoàn toàn nhất trí như phần trình bày của em Hạnh về các di sản của bố mẹ để lại. Nay tôi nhất trí những tài sản nào bố mẹ tôi đã chia cho các anh em

thì tôi không yêu cầu chia nữa. Còn đối với đất thổ cư mà bố mẹ tôi chưa chia mà thuộc di sản thừa kế theo yêu cầu của chú K chia di sản thừa kế. Phần tôi được chia thì tôi để lại cho chú K, tôi uỷ quyền cho chú K thay tôi giải quyết vụ án. Nhưng trong quá trình tố tụng bà I đã thay đổi quan điểm và sẽ tự mình tham gia giải quyết vụ án mà không uỷ quyền cho chú K nữa và phần bà được hưởng bà sẽ sử dụng.

Ông Chu Đức Thiện trình bày trong bản lấy lời khai ngày 09/9/2016 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà: Về quan hệ huyết thống đúng như các em đã trình bày. Về di sản của bố mẹ là ông Chu Đức Triền, bà Phạm Thị Thao để lại gồm đất B nghiệp, đất thổ cư và đất nông nghiệp. Đối với đất B nghiệp và đất nông nghiệp tôi không có như cầu sử dụng nên không yêu cầu chia. Còn đất thổ cư của bố tôi như chú Đoàn yêu cầu chia thừa kế tại thôn Rị (giáp quốc lộ 21A) có nguồn gốc là do tôi, bố tôi và chú Đức cùng góp tiền mua chung. Tôi đã góp số tiền 1.700.000 đồng cho chú Đức để mua mảnh đất này. Sau khi bố mẹ tôi chết, ba anh em tôi là Chu Đức Hào, Chu Tiến Đức và tôi đã tự phân chia 9m bám mặt đường đất thổ cư bằng miệng với nhau và thống nhất mỗi người được chia 3m. Tại buổi phân chia không có mặt chú Đoàn, cô Hạnh, cô I. Sau khi được chia, vào khoảng năm 2006 - 2008, tôi đã bán cho ông Chu Đức Ngọc phần diện tích này với số tiền 60.000.000 đồng. Trong khi chờ tách làm sổ thì anh em có sảy ra tranh chấp, nay tôi đề nghị Tòa giải quyết xác định phần diện tích 3m bám mặt đường quốc lộ 21A, giáp đất nhà ông Hưởng mà tôi bán cho ông Ngọc là phần đất của tôi. Và tôi khẳng định đất này không phải di sản của bố mẹ tôi để lại nên tôi không nhất trí với yêu cầu chia thừa kế của chú K.

Còn việc mua bán đất giữa tôi và ông Ngọc chúng tôi đã thống nhất không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thành viên hộ gia đình ông Chu Tiến Đức:

Bà Nguyễn Thị Luyến trình bày tại bản tự khai ngày 15/01/2019: Tôi kết hôn với ông Chu Tiến Đức năm 1982, đến năm 1988 vợ chồng tôi ra ở riêng. Năm 1994, do nhu cầu muốn đất để kinh doanh nên chồng tôi và bố chồng là ông Chu Đức Triền đã làm đơn xin xã giao đất làm nhà và được UBND xã Phú Thành giao cho hai hộ diện tích đất 108m^2. Việc giao đất tôi không nắm được vì mọi việc do chồng tôi và bố chồng quyết. Năm 2015, gia đình tôi xây móng để bán hàng, đang xây dở thì xảy ra tranh chấp nên UBND xã không cho làm nữa. Móng nhà này là của gia đình tôi, còn đối với đất thổ cư đứng tên Giấy CNQSD đất của ông Chu Đức Triền trong đó có 54m^2 là đất UBND xã giao cho gia đình tôi nên thuộc quyền sở hữu của gia đình tôi, không phải là di sản thừa kế. Đề

nghị Tòa án xác định làm rõ để bảo vệ quyền lợi cho gia đình tôi. Còn di sản thừa kế tôi không liên quan nên không có yêu cầu. Do công việc bận nên tôi ủy quyền cho chồng tôi tham gia tố tụng và xin vắng mặt mọi quá trình tố tụng tại Tòa án.

Chị Chu Thị Hải Yến, Chu Thị Xuân B, Chu Thị Thu Thủy, Chu Thị Bích Thùy cùng trình bày: các chị là con đẻ của ông Chu Tiến Đức và bà Nguyễn Thị Luyến. Đối với nội dung khởi kiện chia thừa kế có liên quan, các chị chỉ nghe bố mẹ nói lại là UBND xã Phú Thành có giao cho gia đình 54m^2 đất mặt đường giáp Quốc lộ 21A thuộc thôn Rị - Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình. Nay các chị đã đi lấy chồng nên không nắm được gì thêm. Mọi vấn đề liên quan đến vụ án các chị đều thống nhất ủy quyền cho ông Chu Tiến Đức (bố đẻ) tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS - ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình Quyết định:

[1] Áp dụng điều luật: Căn cứ điều 147, 157, 158, 160, 161, 165,166, 200 và điêgu 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 155,158,166, 212, 254 Bộ luật dân sự 2015; khoản 7, khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Chu Tiến Đ. Hộ ông Chu Tiến Đ (ông Chu Tiến Đ, bà Nguyễn Thị A, chị Chu Thị Xuân B, chị Chu Thị Thu T, chị Chu Thị Bích Y, chị Chu Thị Hải Yến) được quyền sở hữu, sử dụng 54m^2 (trong đó có 48m^2 đất thổ cư và 6m^2 đất sử dụng làm lối đi qua) tại thôn R - P - L - Hoà Bình có trong GCNQSD đất mang tên hộ ông Chu Đ Triền được UBND huyện L cấp ngày 10 tháng 4 năm 2001 có số GCNQSD đất: R 321911 hiện ông Chu Đ K quản lý. 48m^2 đất thổ cư có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất hộ ông Chu Đ Triền (hiện ông K đang quản lý) dài 8m.

+ Phía Bắc giáp đất hộ ông Hưởng dài 6m;

+ Phía Tây giáp đất hộ ông Triền (hiện ông K đang quản lý) dài 6m;

+ Phía Nam giáp đất ruộng hợp tác xã thôn Lũ dài 08m.

Về lối đi qua 6m^2 đất của hộ ông Chu Tiến Đ có vị như sau:

+ Phía Đông giáp Quốc lộ 21A dài 1m;

+ Phía Tây giáp đất hộ ông Đ dài 1m;

+ Phía Nam giáp đất hộ ông Chu Đ Triền mà hiện nay ông Chu Đ K đang quản lý dài 6m;

+ Phía Bắc giáp hộ ông Hưởng dài 6m.

Về bồi thường lối đi qua: Cắt phần đất 6m^2 của hộ ông Chu Tiến Đức có vị trí như sau để bồi thường cho hộ ông Triền (ông Đoàn là người đang quản lý), cụ thể:

+ Phía Đông giáp đất hộ ông Chu Đức Triền hiện ông Đoàn đang quản lý dài 1m;

+ Phía Nam giáp ruộng hợp tác xã thôn Lũ dài 1m;

+ Phía Tây giáp đất hộ ông Chu Tiến Đức dài 6m;

+ Phía Bắc là đất của hộ ông Chu Đức K dài 6m.

(kèm theo là trích đo hiện trạng thửa đất để giải quyết tranh chấp đất đai ngày 15/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạc Thủy)

Kiến nghị UBND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R321911, vào sổ cấp GCNQSD đất ngày 10/4/2001 đã cấp cho hộ ông Chu Đức Triền để điều chỉnh cho hộ ông Chu Tiến Đức được quyền sử dụng diện tích 54m^2 theo Quyết định của bản án khi có hiệu lực.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 29/10/2019 Toà án nhân dân huyện L có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, quyết định số: 01/2019/QĐ-SCBSBA, nội dung:

Tại dòng thứ năm từ dưới lên, trang 11 của bản án đã ghi:" – Phía Bắc là đất của hộ ông Chu Đức Đoàn".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Bắc giáp đất hộ ông Chu Tiến Đức".

Tại dòng thứ sáu từ dưới lên, trang 11 của bản án đã ghi:" – Phía Nam giáp đất của hộ ông Chu Tiến Đức".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Nam giáp đất hộ ông Chu Đức Đoàn".

Tại dòng thứ bẩy từ dưới lên, trang 11 của bản án đã ghi:" – Phía Tây giáp ruộng hợp tác xã thôn Lũ"

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Triền chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông Đoàn đang quản lý".

Tại dòng thứ bẩy từ dưới lên, trang 13 của bản án đã ghi:" – Phía Nam giáp đất ruộng hợp tác xã thôn Lũ dài 8m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Triền chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông Đoàn đang quản lý dài 8m"

Tại dòng thứ tám từ dưới lên, trang 13 của bản án đã ghi:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Triền (hiện ông Đoàn đang quản lý) dài 6m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Nam giáp đất hộ ông Đức đã cắt để bồi thường cho ông Đoàn dài 6m".

Tại dòng thứ 11,12,13,14 từ trên xuống, trang 13 của bản án đã ghi:" Tại phiên tòa ông Chu Đức Đoàn vắng mặt, do vậy số tiền tạm ứng chi phí tố tụng ông đã nộp còn thừa lại là 5.150.000 đồng sẽ chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy – tỉnh Hòa Bình".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" Tại phiên tòa ông Chu Đức Đoàn vắng mặt, do vậy số tiền tạm ứng chi phí tố tụng ông đã nộp còn thừa lại là 5.150.000 đồng sẽ được bảo lưu tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy – tỉnh Hòa Bình".

Tại dòng thứ tư từ trên xuống, trang 14 của bản án đã ghi:" – Phía Nam giáp ruộng hợp tác xã thôn Lũ dài 1m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Nam giáp đất hộ ông Đức cắt để bồi thường cho ông Đoàn dài 6m".

Tại dòng thứ năm từ trên xuống, trang 14 của bản án đã ghi:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Chu Tiến Đức dài 6m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Tây giáp đất hộ ông Triển chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông Đoàn đang quản lý dài 1m".

Tại dòng thứ sáu từ trên xuống, trang 14 của bản án đã ghi:" – Phía Bắc là đất của hộ ông Chu Đức Đoàn dài 6m".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:" – Phía Bắc giáp đất hộ ông Chu Tiến Đức dài 6m".

Ngày 28/10/2019 ông Chu Đ K, bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I, ông Chu Đ Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị xét xử lại vụ án.

Ngày 04/11/2019 2019 ông Chu Đ K, bà Chu Thị Hạnh, bà Chu Thị Kim I, ông Chu Đ Th kháng cáo bổ sung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, kháng cáo quyết định đình chỉ và đề nghị xét xử lại vụ án.

Ngày…… ông Chu Tiến Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 10/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, theo Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT –VKS-DS. Do Bản án sơ thẩm có vi phạm về nội dung, kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 07 tháng 7 năm 2019, ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 10/9/2019 bà Đặng Thị Tuyết Trinh cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm các tài liệu sau:

+ Biên bản về việc giải quyết theo thông báo số 31/TB-Vp ngày 30/5/2019 của VP HĐND và UBND thành phố Hoà Bình đề ngày 06/8/2019.

+ Bản chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo trang bổ sung giấy chứng nhận mang tên bà Đặng Thị Tuyết Trinh thửa số 84 tờ bản đồ 21 – địa chỉ: Tổ 17, phường Tân Hoà, Tp Hoà Bình.

+ Hợp đồng thuê nhà đề ngày 11/8/2014, bên cho thuê nhà ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị May, bên thuê nhà Vũ Tiến Điền.

+ Giấy vay tiền đề ngày 20/2/2012, người viết giấy Nguyễn Văn Học.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

Ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh giữ nguyên kháng cáo.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị Tuyết Trinh: Đồng ý với ý kiến của bà Trinh. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật cần giải quyết, cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản; Bản án sơ thẩm còn xác định trách nhiệm liên đới của ông Điền, bà Trinh đối với khoản vay ngày 01/12/2011 là vi phạm, không có căn cứ pháp luật; Xác định lại mức án phí mà các đương sự phải thi hành. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình và đơn kháng cáo của ông Vũ Tiến Điền, bà Đặng Thị Tuyết Trinh trong thời gian luật định và hợp lệ.

[2].Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình:

Theo nguyên đơn trình bày, ngày 01/12/2011 ông Hùng và bà May có cho bà Trinh vay 70.000.000 đồng, bà Trinh đã trả được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Đến ngày 20/6/2013 ông Hùng và bà May cho vợ chồng ông Điền, bà Trinh vay tiếp 30.000.000 đồng. Cả hai lần vay thời hạn cho vay là 01 tháng, không có lãi suất và đều có giấy biên nhận.

Ngày 03/10/2018 ông Hùng, bà May có đơn khởi kiện đến Toà án yêu cầu giải quyết. Ngày 10/10/2018 Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình đã thụ lý vụ án về việc kiện Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Việc Toà án thành phố Hoà Bình thụ lý vụ kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là không đúng vì thời hiệu khởi kiện đã hết. Căn cứ khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn điều 23 về thời hiệu khởi kiện quy định tại điều 159 bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 quy định đối với hai khoản tiền cho vay này đã quá thời hiệu khởi kiện 02 năm, nên không còn thời hiệu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự 2004, điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 và hướng dẫn tại khoản khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì cần phải xác định đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản

và áp dụng điều 256, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án đòi số tiền gốc 60 triệu đồng và không chấp nhận yêu cầu tính lãi của đồng Nguyên đơn.

Việc xác định trách nhiệm liên đới của ông Điền đối với khoản vay ngày 01/12/2011 giữa bà Đặng Thị Tuyết Trinh và vợ chồng ông Hùng, bà May số tiền 70 triệu đồng, ngày 15/12/2011 bà Trinh đã trả được 40.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trên giấy vay tiền đề ngày 01/12/2011 không có chữ ký Người vay là ông Vũ Tiến Điền, chỉ có chữ ký của bà Trinh, hơn nữa bà Trinh cũng không chứng minh được khoản vay trên dùng vào việc chung của gia đình. Nên việc cấp sơ thẩm buộc ông Vũ Tiến Điền có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hùng, bà May số tiền nợ còn lại là 30.000.000 đồng(theo giấy vay ngày 01/12/2011) là không đúng.

Do đây là tranh chấp kiện đòi tài sản nên yêu cầu tính lãi của ông Hùng, bà May không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm buộc ông Điền, bà Trinh trả khoản tiền lãi 37.721.096 đồng là không đúng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3].Xét kháng cáo của ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh:

Hội đồng xét xử xét thấy: Kết luận giám định số 06/KLGĐ-CAT-PC09 ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình và kết luận giám định số 97/C09-P5 ngày 29/5/2019 của Viện kI học hình sự - Bộ công an đều kết luận: "*Chữ ký, các chữ ký " Đặng Thị Tuyết Trinh" dưới mục "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, các chữ "Đặng Tuyết Trinh" dưới mục "Vợ ký" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Đặng Thị Tuyết Trinh trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra; Chữ ký, các chữ "Vũ Tiến Điền" dưới mục "Người vay chồng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Vũ Tiến Điền trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M3 do cùng một người ký và viết ra".* Sau khi có kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình, ông Điền, bà Trinh đã yêu cầu giám định lại tại Viện kI học hình sự - Bộ công an. Sau khi có kết quả giám định của Viện kI học hình sự - Bộ công an ông Điền, bà Trinh không có ý kiến và khiếu nại gì.

Việc giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình và Viện kI học hình sự - Bộ công an đã tuân thủ theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Nên việc ông Điền, bà Trinh cho rằng việc giám định không đúng là không có căn cứ.

Như vậy có căn cứ để khẳng định: Trên giấy vay tiền đề ngày 01/12/2011 chữ ký, chữ Viết Đặng Thị Tuyết Trinh dưới mục Người vay là do bà Đặng Thị Tuyết Trinh ký và viết; Trên giấy vay tiền đề ngày 20/6/2013 chữ ký, chữ viết dưới mục Vợ ký, Người chồng ký là chữ ký, chữ viết của bà Đặng Thị Tuyết

Trinh và ông Vũ Tiến Điền. Ông Điền, bà Trinh cho rằng thực tế không có việc vay tiền của ông Hùng, bà May và cũng không được ký vào bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến ông Hùng, bà May là không đúng. Tại phiên toà phúc thẩm ngoài những chứng cứ đã nộp tại cấp sơ thẩm, bà Trinh, ông Điền không đưa ra được những chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để xem xét. Đồng thời ông Điền khẳng định có được vay 30 triệu của ông Hùng, bà May, chữ ký và chữ viết Vũ Tiến Điền trong giấy vay ngày 20/6/2013 đúng là chữ ký, chữ viết của ông nhưng là vay hộ người khác mà ông bà không được chi tiêu. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông ký vào giấy vay nợ là ông phải chịu trách nhiệm trả, còn ông vay hộ người khác không liên quan trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Điền, bà Trinh.

Xét các giấy tờ, tài liệu bà Đặng Thị Tuyết Trinh đã giao nộp ngày 10/9/2019 cho Toà án cấp phúc thẩm không liên quan gì đến vụ án đang giải quyết, do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Học không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa vợ chồng ông Điền, bà Trinh và vợ chồng ông Hùng, bà May. Nên việc ông Điền, bà Trinh dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Học để làm tin vay tiền của ông Hùng, bà May là không đúng. Cấp sơ thẩm buộc Ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị May phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trinh và ông Điền giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả lại cho ông Học là có cơ sở.

Do ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình của ông ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị May, và kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hoà Bình chứng minh yêu cầu của ông Hùng, bà May là có căn cứ. Nên Cấp sơ thẩm buộc ông Điền, bà Trinh trả ông Hùng, bà May tiền chi phí giám định 4.335.000 đồng là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã xác định sai quan hệ tranh chấp và buộc ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh phải chịu 5.102.000 đồng (năm triệu, một trăm linh hai nghìn đồng) tiền án phí là không đúng. Nên cần được khắc phục ở cấp phúc thẩm.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình, bác đơn kháng cáo của ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình.

[4].Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Ông Điền, bà Trinh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những căn cứ, nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào điều 256, 474, 298 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 147, 148, 161 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoà Bình.

2. Bác đơn kháng cáo của Bị đơn Đặng Thị Tuyết Trinh và ông Vũ Tiến Điền.

3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 26/6/2019 của Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, cụ thể:

[1].Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị May.

[2]. Buộc bà Đặng Thị Tuyết Trinh có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị May số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng).*

Buộc ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị May số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị May có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị May phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Đặng Thị Tuyết Trinh và ông Vũ Tiến Điền 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Học. Địa chỉ: Đội 5, xóm Khang Mời, xã Yên Mông, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình để trả lại cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Học.

[3]. Về án phí:

Ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trinh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0002025 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình, nay được đối trừ.

Trả lại cho ông Vũ Tiến Điền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0002026 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trả lại cho ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị May số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* đã nộp, theo biên lai thu tiền số: 0005424, ngày 10/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

[4]- Về chi phí giám định:

Ông Vũ Tiến Điền và bà Đặng Thị Tuyết Trinh phải trả cho ông Hùng, bà May 4.335.000 đồng *(bốn triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/9/2019.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại HN*
- *VKSND cấp cao tại HN*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình*
- *TAND Tp Hoà Bình, tỉnh HB*
- *Chi cục THADS TP Hoà Bình, tỉnh HB*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị K

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn Thinh tự nguyện nộp số tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông Nguyễn Văn Thinh đã nộp đủ.

* Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Ninh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà Bùi Thị Ninh đã nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương sơn theo biên lai số 0000431 ngày 20 tháng 02 năm 2019, nay được đối trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/5/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dụ **Bạch Thị Hồng I** **Lý Thị K**

Ngày 11/7/2016, Nguyên đơn ông Chu Đ K khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại. Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Theo biên bản phiên tòa mở lần 1 ngày 10/10/2019: Nguyên đơn ông Chu Đ K và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có đơn xin hoãn phiên toà. Căn cứ khoản 1 Điều 277, HĐXX sơ thẩm ra quyết định hoãn phiên toà ngày 10/10/2019 là đúng quy định của pháp luật.

Theo biên bản phiên tòa lần 2 ngày 25/10/2019: ông Chu Tiến Đ, ông Chu Đ Th đều có mặt, các đương sự khác vắng mặt, tại phiên toà ông Chu Tiến Đ giữ nguyên yêu cầu phản tố. Như vậy ông Chu Đ K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 217 BLTTDS HĐXX sơ thẩm phải ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chu Đ K, Bị đơn ông Chu Đ Tiến trở thành nguyên đơn, nguyên đơn Chu Đ K trở thành bị đơn. Cấp sơ thẩm đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019, nội dung đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý 09/2016/TLST ngày 18/7/2016 về tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật là sai, vượt quá nội dung đình chỉ.

Như vậy ông Chu Đ K là Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 BLTTDS, điểm b khoản 2 Điều 217 Tòa án phải ra quyết định đình chỉ vụ án đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Chu Đ K, Nguyên đơn ông Chu Đ K trở thành bị đơn và bị đơn ông Chu Tiến Đ trở thành nguyên đơn. Cấp sơ thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 09/2016/TLST ngày 18/7/2016 về tranh chấp chia di sản

Ngày 11/7/2016, Nguyên đơn ông Chu Đ K khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại. Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Theo biên bản phiên tòa mở lần 1 ngày 10/10/2019: Nguyên đơn ông Chu Đ K và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có đơn xin hoãn phiên toà. Căn cứ khoản 1 Điều 277, HĐXX sơ thẩm ra quyết định hoãn phiên toà ngày 10/10/2019 là đúng quy định của pháp luật.

Theo biên bản phiên tòa lần 2 ngày 25/10/2019: ông Chu Tiến Đ, ông Chu Đ Th đều có mặt, các đương sự khác vắng mặt, tại phiên toà ông Chu Tiến Đ giữ

nguyên yêu cầu phản tố. Như vậy ông Chu Đ K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 217 BLTTDS HĐXX sơ thẩm phải ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chu Đ K, Bị đơn ông Chu Tiến Đ trở thành nguyên đơn, nguyên đơn Chu Đ K trở thành bị đơn, việc thay đổi tư cách tố tụng Hội đồng xét xử phải thông báo cho các đương sự vắng mặt được biết để họ được biết để đảm bảo quyền lợi của họ theo quy định của pháp luật.